

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 26-5-2022  
V/v: Ly hôn giữa chị Vũ Thị H  
và anh Bùi Đức C.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trường Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Định.
2. Ông Phạm Thanh Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Ngã tư Đ, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức C, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 22-01-2000, sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và cùng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ chồng tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do: Vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh C luôn nghi ngờ chị có quan hệ bất chính, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ giữa tháng 5 năm 2020 đến nay. Chị đã đi thuê nhà ở riêng tại ngã tư Đ, xã C, huyện V, tỉnh Nam

Định để sinh sống. Chị xác định chị không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với anh C. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đức C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Tuấn S, sinh ngày 09-12-2011, cháu Bùi Thị D, sinh ngày 13-3-2001. Hiện nay cháu D đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, còn cháu S đang ở với chị tại ngã tư Đ. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang bán hàng quần áo tại ngã tư Đ với thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng. Chị nhận thấy chị đủ điều kiện để được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Tại bản tự khai của anh Bùi Đức C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự nguyện và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22-01-2000. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và cùng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh tại xã T. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình; chị H thường xuyên xúc phạm, chửi bới anh. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2021 đến nay.

Nay anh xác định anh không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với chị H. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và không thể hóa giải được. Nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Bùi Tuấn S, sinh ngày 09-12-2011, cháu Bùi Thị D, sinh ngày 13-3-2001. Hiện nay cháu D đã thành niên, đã có khả năng lao động tự lập được nên anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu S cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu S cùng chị H.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau và anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh C tự ý bỏ về và không ký vào các biên bản của Tòa án.

***Tại phiên tòa:***

Chị H trình bày nội dung vụ án như đã nêu trên và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vũ Thị H, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Bùi Đức C.

+ Về con chung: Giao cháu Bùi Tuấn S, sinh ngày 09-12-2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Còn cháu Bùi Thị D, sinh ngày 13-3-2001 đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được, các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Đức C đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Vũ Thị H và anh Bùi Đức C là đúng thẩm quyền.

Đối với anh Bùi Đức C trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh C được biết, nhưng anh C không chấp hành. Tại phiên tòa anh C vắng mặt; vì vậy hội đồng căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị H, anh C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhiều tháng nay. Xét điều kiện, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Chị H xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ chồng của chị H và anh C đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét

xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử lý hôn giữa chị H và anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Bùi Tuấn S, sinh ngày 09-12-2011 và cháu Bùi Thị D, sinh ngày 13-3-2001. Hiện nay cháu D đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được, các đương sự không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Cháu S hiện nay đang sinh sống cùng với chị H tại Ngã Tư Đ, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định.

Xét thấy chị H có sức khỏe, hiện nay chị H có nơi cư trú và có công việc, thu nhập ổn định. Như vậy chị H có đầy đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện quyền nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, cháu S có nguyện vọng được ở cùng với chị H. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu S cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất để cháu S học tập, sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không buộc anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Bùi Đức C.

2. Con chung: Cháu Bùi Thị D, sinh ngày 13-3-2001 đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên không xem xét, giải quyết.

Giao cháu Bùi Tuấn S, sinh ngày 09-12-2011 cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001405 ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. (Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án. Anh Bùi Đức C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trường Nam**